

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 19/4/2024.

*“V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- *Đại diện VKSND huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thu T** - Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/03/2024, về việc *“Không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/03/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1971; địa chỉ: **Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông**; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Viết T1**, sinh năm 1968; địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông**; có mặt.

NHẬN THẤY

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà **Phạm Thị B** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị B** và ông **Lê Viết Tinh tự n** chung sống với nhau từ năm 2000, hai bên có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà **B** và ông **T1** chung sống hạnh phúc cho đến năm

2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, ông T1 nhiều lần đánh đập bà B, địa phương và gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể khắc phục được, bà B và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà B không thể tiếp tục chung sống với ông T1 được nữa nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà Phạm Thị B và ông Lê Viết T1 có 02 con chung là Lê Viết T2, sinh ngày 25/6/2002 và Lê Thị Thùy A, sinh ngày 15/4/2005. Các con hiện đã thành niên nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Viết T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Viết T1 và bà Phạm Thị B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 tại huyện Đ và không có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới với sự đồng ý và chứng kiến của hai bên gia đình. Lý do không đăng ký kết hôn là thời điểm đó ông T1 và bà B mới vào huyện Đ lập nghiệp, không quen biết ai, cũng không làm gì có đòi hỏi đến giấy đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do ông Tình nghi n1 bà B ngoại tình (Ông T1 bắt gặp bà B đang gọi điện thoại cho đàn ông lúc 10 giờ đêm). Nhà nghèo nhưng đua đòi, hay đi chơi, không chăm lo cho gia đình, con cái. Từ năm 2016 bà B bỏ nhà đi, để lại hai con cho ông T1 nuôi. Ông T1 với bà B sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện ông T1 và bà B không còn tình cảm gì với nhau nên ông T1 đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà B.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông Lê Viết T1 và bà Phạm Thị B có 02 con chung là Lê Viết T2, sinh ngày 25/6/2002 và Lê Thị Thùy A, sinh ngày 15/4/2005. Các con hiện đã thành niên nên ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Bà **Phạm Thị B** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà **Phạm Thị B** và ông **Lê Viết T1**. Tuy nhiên giữa bà **B** và ông **T1** không có đăng ký kết hôn, vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của BLTTDS.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông **Lê Viết T1** có hộ khẩu thường trú tại **thôn Đ, xã Đ, huyện Đ tỉnh Đắk Nông**, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà **Phạm Thị B** và ông **Lê Viết T1** chung sống với nhau từ năm 1999, tại thời điểm chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không đến UBND cấp xã để đăng ký kết hôn. Như vậy bà **B** và ông **T1** về mặt pháp luật vẫn chưa được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định về đăng ký kết hôn.

Đoạn 2 điểm b mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: “*Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”.

Đoạn 2 Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật này*”.

Tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng...*”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà **Phạm Thị B** yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **B** và ông **T1** để đảm bảo cuộc sống cho cả hai, nên cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà **Phạm Thị B** và ông **Lê Viết T1** có 02 con chung là **Lê Viết T2**, sinh ngày 25/6/2002 và **Lê Thị Thùy A**, sinh ngày 15/4/2005. Con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Phạm Thị B** và ông **Lê Viết T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6]. Về án phí: Bà **Phạm Thị B** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của BLTTDS;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị B**.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Phạm Thị B** và ông **Lê Viết T1**.

2. Về án phí: Buộc bà **Phạm Thị B** phải nộp số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà **B** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0005761 ngày 08/03/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- CCTHADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

PHAN THỊ TRÚC LINH

